

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 18 - 6 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Hữu Minh.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 955/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 363/12/1/12 tổ 3, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Huỳnh CH, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 363/12/1/12 tổ 3, ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T đề nghị xét xử vắng mặt, anh CH vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Huỳnh CH kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã B, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bản thân chị thường xuyên bị bệnh và không sinh được con. Đến khoảng tháng 12 năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống. Sau đó, anh CH bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc về nhà và không có tin tức gì, dù chị đã cố gắng tìm kiếm và thông báo trên thông tin đại chúng. Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành quyết định thông báo tìm kiếm người mất tích số

118/2019/QĐST-VDS đối với anh CH. Từ lý do trên, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh CH để chấm dứt tình trạng hôn nhân.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Lê Huỳnh CH*: Anh CH đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bằng thủ tục niêm yết công khai nhưng do anh CH đã mất tích nên vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của thư ký. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời khai của nguyên đơn thì anh chị kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh CH là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Năm 2016, anh CH đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức, chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh CH mất tích, vào ngày 13/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tuyên bố anh CH mất tích nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh CH là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; còn bị đơn anh Lê Huỳnh CH đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh CH đã mất tích nên vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T, anh CH.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh CH có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thị xã B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 07/11/2002, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh CH đã phát sinh mâu thuẫn nên anh CH mới bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2016, không có tin tức gì và chị T đã thực hiện thủ tục tìm kiếm anh CH trên thông tin đại chúng. Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã

ban hành quyết định thông báo tìm kiếm người mất tích số 118/2019/QĐST-VDS đối với anh CH. Đến ngày 13/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 13/2019/QĐST-VDS đối với anh CH, quyết định đã có hiệu lực để thi hành. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh CH là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị T và anh CH.

[3] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị T và kết quả xác minh tại địa phương xác định anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai không có. Anh CH thì không có lời khai cũng như không gửi yêu cầu gì cho Tòa án nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với anh Lê Huỳnh CH, cho ly hôn giữa chị T và anh CH.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002865 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp xong.

Chị T, anh CH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND P.X, TX. B , T.Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa